

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ LONG XUYÊN Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
TỈNH AN GIANG

Bản án số: 51/2018/DS-ST

Ngày: 13/9/2018

V/v “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ T gồm có:

T phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Quốc Việt.

Các Hội T nhân dân:

1. Ông Trần Hùng Bích Cán bộ về hưu.

2. Ông Lê Thành Thật Phó chủ tịch Hội đồng nhân dân phường Mỹ Phước, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

- Thư ký phiên tòa: bà Hà Thị Chiên – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Hữu – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ T công Ki vụ án thụ lý số: 205/2017/TLST-DS ngày 17 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp “*Hợp đồng dân sự (Hợp đồng mua bán tài sản; Hợp đồng bảo lãnh)*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2018/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 77/2018/QĐST-DS ngày 16 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông K, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Ấp V, xã T, huyện Thoại S, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đ, sinh năm 1947.

Địa chỉ: Ấp V, xã T, huyện Thoại S, tỉnh An Giang.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 20/9/2017)

2. Bị đơn:

2.1 Ông S, sinh năm 1985.

2.2 Bà T, sinh năm 1984.

Cùng địa chỉ: Số 45L5, đường Đặng Thai Mai, phường Mỹ Phước, thành phố Long Xuyên, An Giang.

2.3 Ông A, sinh năm 1995.

2.4 Ông Đ, sinh năm 1964.

Cùng địa chỉ: Ấp V, xã T, huyện Thoại S, tỉnh An Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Bà B.

Địa chỉ: Tổ 18, ấp Càn Thạnh, xã Càn Đăng, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

3.2 Ngân hàng S.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 927, đường Trần Hưng Đạo, phường A, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: số 100/5N, đường Trần Hưng Đạo, phường M, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

(Tại phiên tòa có mặt ông Đ là đại diện hợp pháp của nguyên đơn; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ông K là tài xế xe tải biển kiểm soát 67C-02386 do ông A đứng tên chủ xe, sau đó giữa ông K và ông S, bà T, ông A ký kết hợp đồng mua bán xe tải này vào ngày 25/02/2017, hợp đồng không có công chứng, chứng thực chữ ký. Hợp đồng mua bán xe với bên mua là ông K, bên bán xe là ông S và bà T, người đứng tên xe là A (em ruột ông S), giá trị xe mua bán là 1.103.000.000 đồng (một tỷ, một trăm lẻ ba triệu đồng), ông K đưa trước số tiền 355.000.000 đồng, số tiền còn lại 748.000.000 đồng ông K có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn (SCB) chi nhánh An Giang vì xe này ông A vay ngân hàng và thế chấp để đảm bảo cho số tiền vay 800.000.000 đồng. Sau khi thanh toán số tiền 355.000.000 đồng, ông K tiếp tục trả các khoản lãi với tổng số tiền 45.000.000 đồng, tổng cộng 400.000.000 đồng.

Mặc dù đã ký hợp đồng bán xe cho ông K nhưng chưa sang tên được vì giấy xe đang thế chấp cho ngân hàng. Sau đó, ông S đem xe này bán cho bà Bích bằng hợp đồng có công chứng chữ ký, nên giữa ông K và ông S phát sinh tranh chấp và ông K gửi đơn tố cáo đến Phòng cảnh sát kinh tế - Công an tỉnh An Giang, đây cũng là nơi ông S làm việc, đến ngày 31/5/2017 tại phòng cảnh sát kinh tế giữa ông K và ông Đ là cha của ông S có biên bản thỏa thuận ông Đ có nghĩa vụ bảo lãnh thanh toán số tiền 400.000.000 đồng cho ông S trong thời hạn 01 tháng từ 31/5/2017 đến 30/6/2017. Sau khi ông Đ bảo lãnh thì ông K rút đơn

tổ cáo để ông Đ trả nhưng sau đó ông S, bà T, ông Đ, ông A không hoàn trả như thỏa thuận nên ông khởi kiện yêu cầu: Hủy hợp đồng mua bán xe tải biển kiểm soát 67C-02386 được xác lập giữa ông K và ông Trường S, ông A, bà T vào ngày 25/02/2017; Ông S, bà T có trách nhiệm hoàn trả số tiền 400.000.000 đồng; Trường hợp ông S, bà T không trả thì ông Đ phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh để trả.

Theo nội dung tờ tự Ki và trong quá trình tố tụng bị đơn trình bày:

Ông S trình bày tại tờ tự Ki ngày 01/11/2017: Vợ chồng ông có ký vào hợp đồng mua bán xe tải biển vào ngày 25/02/2017 nhưng ký theo yêu cầu của ông K để ông K cho mượn tiền. Ông thừa nhận số tiền nợ là 400.000.000 đồng và xin trả dần mỗi tháng từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng đến khi dứt điểm số tiền nợ.

Ông Đ trình bày tại tờ tự Ki ngày 28/11/2017: Ông có ký vào biên bản thỏa thuận ngày 31/5/2017 tại Phòng cảnh sát kinh tế - Công an tỉnh An Giang để bảo lãnh cho con ông, nhưng sau đó ông không bán được đất nên không có tiền để trả lại cho ông K như nội dung biên bản thỏa thuận.

Ông A trình bày tại tờ tự Ki ngày 28/11/2017: Ông là em ruột ông S, ông đứng tên dùm ông S xe tải biển kiểm soát 67C-02386, ông K kêu ký vào hợp đồng mua bán thì ông ký, ông có hỏi ông S thì ông S nói ký để ông K cho mượn tiền. Việc mượn tiền do ông S và ông K thỏa thuận với nhau ông không biết và ông cũng không nhận tiền từ ông K.

Theo nội dung tờ tự Ki và trong quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ngân hàng TMCP Sài Gòn (SCB) có văn bản số 918-1/CN.AG ngày 15/12/2017 trình bày: Ông A là người vay và thế chấp tài sản xe tải biển kiểm soát 67C-02386, đến ngày 06/5/2017 ông A đã tắt toán các khoản nợ vay của Ngân hàng, việc mua bán xe không liên quan đến ngân hàng. Đồng thời, có đơn xin vắng mặt đề ngày 15/12/2017.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của T phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về nội dung: Đề nghị xem xét chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và đình chỉ việc rút yêu cầu đối với ông A và khoản tiền lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được T tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ông K tranh chấp về hợp đồng, yêu cầu hủy hợp đồng và có trách nhiệm hoàn trả tiền, đây là “Tranh chấp về hợp đồng dân sự” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS. Vụ án thuộc T quyền của Tòa án nhân dân thành phố Long

Xuyên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Ông K ủy quyền cho ông Đ tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền ngày ngày 20 tháng 9 năm 2017. Do đó, ông Đ tham gia tố tụng với tư cách người đại diện ủy quyền của ông K theo quy định tại khoản 4 Điều 85 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã triệu tập họp lệ lần thứ 2 nhưng bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Quá trình tố tụng ông K yêu cầu ông A cùng ông S, bà T, ông Đ có trách nhiệm hoàn trả số tiền 400.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa đại diện hợp pháp của ông K xác định chỉ yêu cầu ông S, bà T có trách nhiệm trả số tiền 400.000.000 đồng; Nếu ông S, bà T không trả thì ông Đ là cha ruột ông S phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ của bên bảo lãnh. Rút lại không yêu cầu ông A có trách nhiệm trả, do ông A chỉ đứng tên xe dùm ông S và là người phụ thuộc trong gia đình ông Đ. Do đó, yêu cầu đối với ông A sẽ được đình chỉ theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với yêu cầu tiền lãi theo đơn khởi kiện ban đầu ông K không yêu cầu, tại tòa trình bày ngày 28 tháng 12 năm 2017 ông có trình bày, tại phiên tòa rút lại, nên sẽ được đình chỉ theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Đối với hợp đồng mua bán: Hợp đồng mua bán xe tải được xác lập vào ngày 25/02/2017, hợp đồng được ký kết giữa ông K và ông S, bà T, ông A. Các bên thừa nhận có ký vào hợp đồng, nhưng ông S và ông A trình bày ký để mượn tiền chứ không phải ký để bán xe, tuy nhiên không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên không có căn cứ để xem xét, trong khi tiêu đề của hợp đồng đã thể hiện rõ đây là “Hợp đồng mua bán xe tải”, nội dung của hợp đồng cũng thể hiện rõ việc mua bán xe tải, các bên đều ký tên ghi rõ họ tên. Do đó, xác định đây là hợp đồng mua bán xe tải, hợp đồng được các bên ký kết nhưng không được công chứng, chứng thực chữ ký, không tuân thủ về hình thức theo quy định tại điểm g, khoản 1, Điều 10 Thông tư 15/2014/TT-BCA “*Giấy bán, cho, tặng xe của cá nhân được công chứng hoặc chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn đối với chữ ký của người bán, cho, tặng xe theo quy định của pháp luật về chứng thực*” nên bị vô hiệu theo quy định tại Điều 129 Bộ luật dân sự. Đồng thời, sau khi ký hợp đồng bán xe vào ngày 25/02/2017 cho ông K thì ông S tiếp tục ký hợp đồng bán xe này cho bà Bích, hợp đồng này được công chứng chữ ký và đã sang tên, giao xe cho bà Bích. Ông S, bà T, ông A đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của bên bán được thỏa thuận trong hợp đồng ngày 25/02/2017 nên yêu cầu khởi kiện đề nghị hủy hợp đồng của ông K là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 423 Bộ luật dân sự nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Đồng thời, giải quyết hậu quả của việc hủy bỏ hợp đồng, căn cứ hợp đồng do vợ chồng ông S, bà T xác lập, ông K yêu cầu vợ chồng ông S, bà T có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho ông số tiền 400.000.000 đồng, ông S cũng thừa nhận số

tiền này và đồng ý trả nhưng xin trả dần. Yêu cầu hủy hợp đồng của ông K là có căn cứ nên ông S, bà T phải có nghĩa vụ hoàn trả cho ông K số tiền 400.000.000 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 427 Bộ luật dân sự.

[2.2] Đối với hợp đồng bảo lãnh: Ông K yêu cầu ông Đ thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, căn cứ biên bản thỏa thuận ngày 31/5/2017 tại Phòng cảnh sát kinh tế - Công an tỉnh An Giang giữa ông Đ và ông K, sự thừa nhận của ông Đ tại tờ từ Ki ngày 28/11/2017 về nghĩa vụ bảo lãnh đối với số tiền 400.000.000 đồng, ông cũng đồng ý thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh nhưng ông không bán được đất nên không có tiền thanh toán cho ông K. Do đó, yêu cầu của ông K là có căn cứ phù hợp với Điều 335 Bộ luật dân sự nên ông Đ phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ của bên bảo lãnh mà mình đã cam kết.

[3] Về án phí dân sự sơ T:

Yêu cầu khởi kiện của ông K được chấp nhận, nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí

Ông S, bà T, ông Đ phải có nghĩa vụ liên đới nộp án phí dân sự sơ T theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 70; Điều 91; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 244; Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 129; Điều 423; Điều 427 Bộ luật dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông K đối với ông S, bà T, ông Đ.

1.1 Hủy hợp đồng mua bán xe tải biển kiểm soát 67C-02386 được xác lập giữa ông K và ông Trường S, ông A, bà T vào ngày 25/2/2017.

1.2 Ông S, bà T có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho ông K số tiền 400.000.000 đ (Bốn trăm triệu đồng).

1.3 Khi đến thời hạn hoàn trả cho ông K số tiền 400.000.000 đồng mà ông S, bà T không hoàn trả thì ông Đ phải thực hiện nghĩa vụ của bên bảo lãnh, trả thay ông S, bà T số tiền này cho ông K.

[2] Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông K đối với ông A và số tiền lãi phát sinh vượt quá số tiền 400.000.000 đồng theo yêu cầu khởi kiện ban đầu.

[3] Về án phí dân sự sơ T:

Ông K được nhận lại 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) theo biên lai thu số 0018682 ngày 13 tháng 10 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên.

Ông S, bà T, ông Đ có trách nhiệm liên đới nộp 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) án phí dân sự sơ T.

[4] Về quyền kháng cáo:

Bị đơn; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

(Đã giải thích điều 26 Luật thi hành án)

Nơi nhận:

- Các đương sự “Để thi hành”;
- VKSND – TPLX;
- TAND tỉnh An Giang;
- THADS TPLX;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SỞ T
T phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Minh Quốc Việt